

Số 95 -CTHD/TU

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA XV

thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của

Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”

Quán triệt Nghị quyết 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” (viết tắt: Nghị quyết 29-NQ/TW); Hội nghị lần thứ 15, Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XV quyết định Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW với những nội dung sau:

I. TÌNH HÌNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỦA TỈNH

1. Kết quả đạt được:

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII, Kết luận số 51-KL/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XI và các chủ trương của Đảng, Nhà nước về định hướng chiến lược phát triển giáo dục – đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, những năm qua, giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Trị đã đạt được kết quả tốt, góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh ở địa phương.

Mạng lưới trường lớp cơ bản được bố trí đều khắp các vùng, miền; tỷ lệ học sinh đi học ở các cấp học, ngành học ngày càng tăng; chất lượng giáo dục toàn diện từng bước được nâng lên; đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục⁽¹⁾ được tăng cường, cơ bản đáp ứng yêu cầu của ngành. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học được đầu tư theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa⁽²⁾.

Công tác phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở đạt kết quả tốt. Năm 1996, Quảng Trị là tỉnh thứ 18 trong toàn quốc hoàn thành công tác Phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ; năm 2005, là tỉnh đứng thứ 30 trong toàn quốc đạt chuẩn quốc gia về Phổ cập giáo dục trung học cơ sở; năm 2006, đạt chuẩn quốc gia

¹ Đội ngũ Cán bộ quản lý giáo dục và Nhà giáo toàn tỉnh hiện có 13.947 người

² Toàn tỉnh có 163 trường mầm non, trong đó có 9 trường tư thục; 160 trường tiểu học; 33 trường Trung học phổ thông (THPT) và 131 trường Trung học cơ sở (THCS), trong đó có 17 trường Phổ thông cơ sở (PTCS); 10 Trung tâm Giáo dục thường xuyên (GDTX) và 10 Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp – hướng nghiệp (KTTH-HN).

về Phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; năm 2013 là tỉnh đứng thứ 15 trong toàn quốc đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi và hiện nay đang triển khai thực hiện Phổ cập cấp THPT, giai đoạn 2012 - 2020.

Mạng lưới các trường chuyên nghiệp ngày càng phát triển hợp lý, tất cả các trường đều đã chủ động đa dạng hóa các loại hình đào tạo, phong phú ngành nghề⁽³⁾, từng bước đáp ứng nhu cầu học tập của con em trên địa bàn.

- Tỷ lệ học sinh trúng tuyển vào các trường đại học, cao đẳng và Trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy ngày càng tăng⁽⁴⁾. Trong những năm gần đây, bình quân mỗi năm Quảng Trị có khoảng 4.461 sinh viên đại học, cao đẳng và 1.000 học sinh trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy tốt nghiệp ra trường. Đây là nguồn nhân lực lao động đã được đào tạo đưa vào sử dụng sẽ đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung và địa phương nói riêng.

Công tác xã hội hóa giáo dục tiếp tục được đẩy mạnh và đạt được những kết quả đáng kể. Các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân hưởng ứng tích cực, tạo ra sức lan tỏa trong cộng đồng dân cư.

2. Hạn chế, yếu kém:

Bên cạnh những kết quả đạt được, giáo dục và đào tạo của tỉnh vẫn còn một số hạn chế, yếu kém: Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, giáo viên, giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên mặc dù đã được quan tâm song vẫn chưa đáp ứng yêu cầu.

Công tác quản lý giáo dục - đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu của chiến lược phát triển giáo dục đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa; tình trạng dạy thêm, học thêm không đúng quy định, lạm thu trong trường học chậm được khắc phục.

Giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau Trung học cơ sở, Trung học phổ thông còn hạn chế. Đào tạo nguồn nhân lực, nhất là đào tạo nghề chưa đáp ứng nhu cầu xã hội.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhiều trường học tuy được đầu tư song vẫn còn thiếu, nhất là ở cấp học mầm non và các phòng học bộ môn, phòng thực hành, thí nghiệm ở cấp trung học phổ thông.

Chất lượng học sinh giữa các trường và các vùng, miền chưa đồng đều, nhất là chất lượng học sinh dân tộc thiểu số còn yếu; năng lực, kỹ năng sống của học sinh còn nhiều hạn chế; chất lượng đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học còn thấp. Tỷ lệ học sinh đạt giải cao trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, tham dự các kỳ thi quốc tế và khu vực còn thấp.

³ Trên địa bàn tỉnh hiện có: 01 Phân hiệu Đại học thuộc Đại học Huế, 01 trường Cao đẳng Sư phạm, 04 trường trung cấp chuyên nghiệp (TCCN) (trong đó có 02 trường tư thục), 03 trường trung cấp nghề (trong đó có 01 trường tư thục).

⁴ Năm 2013 có 5.639 học sinh thi đỗ vào các trường Đại học, Cao đẳng (trong đó Đại học 3.356 em, Cao đẳng 2.283 em) và 2.796 em trúng tuyển vào hệ Trung cấp chuyên nghiệp.

Vẫn còn bất cập giữa đào tạo và nhu cầu sử dụng sinh viên tốt nghiệp ra trường của các trường chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Số lượng, chất lượng và cơ cấu đội ngũ nhà giáo, nhân viên trường học trên địa bàn tỉnh chưa hợp lý; một bộ phận giáo viên chưa theo kịp yêu cầu đổi mới và phát triển giáo dục.

Nguyên nhân của hạn chế, yếu kém:

Một số cấp ủy, chính quyền, cơ sở giáo dục, cán bộ, đảng viên, giáo viên và nhân dân nhận thức chưa đầy đủ mục tiêu giáo dục toàn diện. Sự quản lý chỉ đạo của các cấp giáo dục trên địa bàn tỉnh có lúc, có nơi thiếu cụ thể. Việc tổ chức thực hiện các đề án, kế hoạch và chương trình phát triển giáo dục – đào tạo còn hạn chế; sự phối hợp của các ban, ngành, đoàn thể trong sự nghiệp phát triển giáo dục – đào tạo đôi lúc chưa chặt chẽ. Việc triển khai thực hiện một số chủ trương của tỉnh về giáo dục, đào tạo còn chậm; công tác quản lý chất lượng, thanh tra, kiểm tra, giám sát chưa thường xuyên, xử lý vi phạm thiếu cương quyết, triệt để.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Mục tiêu:

1.1. Mục tiêu tổng quát:

- Tiếp tục nâng cao nhận thức giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể và toàn dân. Đầu tư cho giáo dục được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tạo chuyển biến căn bản toàn diện, mạnh mẽ về chất lượng giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và nhu cầu học tập suốt đời của nhân dân trong tỉnh. Giáo dục con người phát triển toàn diện, chú trọng phát huy truyền thống văn hóa, phẩm chất tốt đẹp của người dân Quảng Trị giàu lòng yêu quê hương đất nước, yêu thương con người, hiếu học, cần cù thông minh, sáng tạo, sống có nghị lực và hoài bão.

- Xây dựng hệ thống giáo dục, đào tạo với quy mô, cơ cấu hợp lý, hài hòa giữa các vùng miền, giữa các cấp học, ngành học trên địa bàn tỉnh; đảm bảo các điều kiện nâng cao chất lượng giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế; ưu tiên đầu tư cho giáo dục miền núi; đảm bảo công bằng trong giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và chất lượng mũi nhọn. Phấn đấu đến năm 2020, Quảng Trị là một trong những tỉnh phát triển mạnh về giáo dục.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Giáo dục mầm non:

- Duy trì vững chắc kết quả Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; Phát triển giáo dục mầm non dưới năm tuổi có chất lượng phù hợp với điều kiện

của từng cơ sở giáo dục và từng địa phương. Đảm bảo huy động trẻ trong độ tuổi nhà trẻ đến trường năm 2015 đạt tỷ lệ 35%, năm 2020 đạt tỷ lệ 50%; trẻ mẫu giáo năm 2015 đạt tỷ lệ 80%, năm 2020 đạt tỷ lệ 95%.

- Tạo chuyển biến cơ bản về chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng xuống dưới 10% vào năm 2015 và xuống dưới 5% vào năm 2020 (đối với vùng thuận lợi); xuống dưới 15% vào năm 2015 và xuống dưới 10% vào năm 2020 (đối với vùng khó khăn); Miễn học phí cho trẻ mầm non trước năm 2020.

- Từng bước chuẩn hóa hệ thống các trường mầm non, duy trì và đẩy mạnh xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia. Phần đầu đến năm 2015 có 50% và năm 2020 có 70% trường mầm non đạt chuẩn và hoàn thiện mô hình trường kiểu mẫu.

1.2.2. Giáo dục phổ thông:

- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục truyền thống đạo đức, lối sống, lý tưởng cách mạng, trình độ ngoại ngữ, tin học, năng lực và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn; đảm bảo cho học sinh hoàn thành chương trình Trung học cơ sở (hết lớp 9) có tri thức phổ thông nền tảng, đáp ứng yêu cầu phân luồng sau Trung học cơ sở, Trung học phổ thông phải tiếp cận nghề nghiệp và chuẩn bị cho giai đoạn học sau phổ thông có chất lượng. Phần đầu đến năm 2015 có 92% và năm 2020 có 97% thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ giáo dục Trung học phổ thông và tương đương (miền núi năm 2015: 85%; năm 2020: 90%)

- Nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn, phần đầu tăng dần số lượng học sinh đạt giải cao của các môn trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia cấp THPT.

- Duy trì vững chắc kết quả Phổ cập giáo dục Trung học cơ sở và Phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ I; phần đầu đến năm 2020 có trên 80% số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn Phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ II.

- Mở rộng mô hình dạy học 2 buổi/ngày; phần đầu đến năm 2020 có trên 80% số học sinh tiểu học được học 2 buổi/ngày.

- Đẩy mạnh xây dựng trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia. Phần đầu đến năm 2015 có trên 80% số trường tiểu học, 35% số trường Trung học cơ sở, 15% số trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia. Đến năm 2020: có trên 85% số trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia, trong đó có trên 50% số trường đạt mức độ II; 50% số trường Trung học cơ sở; 30% số trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

1.2.3. Giáo dục chuyên nghiệp và dạy nghề:

- Củng cố và nâng cao năng lực hoạt động của hệ thống giáo dục chuyên nghiệp và dạy nghề trên địa bàn tỉnh, tăng cường các hình thức đào tạo theo hướng nghề nghiệp gắn với việc làm, đáp ứng nhu cầu nhân lực của địa phương và thị

trường lao động trong nước, ngoài nước. Phần đầu đến năm 2015, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 40 - 42%, trong đó lao động qua đào tạo nghề đạt 32 - 35% và đến năm 2020 tỷ lệ lao động được đào tạo đạt 50% trong đó qua đào tạo nghề 44%.

- Đẩy mạnh đào tạo theo nhu cầu xã hội. Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục chuyên nghiệp, phần đầu đến năm 2015 có 10% và năm 2020 có 15% số học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở vào học nghề.

1.2.4. Giáo dục thường xuyên:

- Song song với phát triển giáo dục chính quy, tập trung xây dựng hệ thống giáo dục thường xuyên để tạo cơ hội và điều kiện cho mọi người được học tập thường xuyên, liên tục, suốt đời, nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững;

- Phần đầu đến năm 2015, tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi 15 trở lên là 99,4%, trong đó tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi 15 đến 35 là 99,8%; đến năm 2020 tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi 15 trở lên là 99,7%, trong đó tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi 15 đến 35 là 99,9%;

2. Nhiệm vụ và giải pháp

2.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo:

Các cấp ủy Đảng, chính quyền tổ chức học tập, nghiên cứu quán triệt Nghị quyết số 29-NQ/TW làm cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh hiểu rõ quan điểm, mục tiêu, chủ trương, giải pháp của Đảng về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; nhận thức sâu sắc đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển, được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; nâng cao nhận thức về vai trò quyết định chất lượng giáo dục và đào tạo của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; người học là chủ thể trung tâm của quá trình giáo dục; gia đình có trách nhiệm phối hợp với nhà trường và xã hội trong việc giáo dục nhân cách, lối sống cho con em mình.

Coi trọng công tác phát triển Đảng, công tác chính trị, tư tưởng trong các trường học, trước hết là trong đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên. Phần đầu đến năm 2015 cơ bản các đơn vị trường học đều có chi bộ Đảng. Cấp ủy trong các cơ sở giáo dục và đào tạo phải thực sự đi đầu đổi mới, gương mẫu thực hiện và chịu trách nhiệm về chất lượng và hiệu quả giáo dục, đào tạo của đơn vị mình.

Tập trung rà soát, bổ sung, điều chỉnh các quy hoạch, kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo; quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của tỉnh, đảm bảo phù hợp với yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo.

Chỉ đạo giải quyết dứt điểm các vấn đề còn hạn chế trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo như: thống nhất cơ chế phân công quản lý giáo dục, từng bước giải

quyết giáo viên dôi dư, tình trạng dạy thêm học thêm trái quy định, lạm thu trong các trường học và bệnh thành tích trong giáo dục, đào tạo.

2.2. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học:

Trên cơ sở mục tiêu đổi mới giáo dục và đào tạo, ngành giáo dục hướng dẫn các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh xác định rõ và công khai mục tiêu, chuẩn đầu ra của từng cấp học, ngành học, chương trình và chuyên ngành đào tạo. Coi đó là cam kết bảo đảm chất lượng của từng cơ sở giáo dục và đào tạo, của cả ngành; là căn cứ giám sát, đánh giá chất lượng giáo dục.

Khẩn trương chuẩn bị các điều kiện cần thiết đáp ứng yêu cầu dạy và học theo nội dung, chương trình giáo dục đổi mới, đảm bảo sự phù hợp với lứa tuổi, trình độ, đặc điểm của người học và tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh, trọng tâm là:

- Tập trung đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học, xây dựng trường chuẩn quốc gia đối với từng cấp học theo mục tiêu đề ra. Tiếp tục triển khai có hiệu quả các Đề án thuộc lĩnh vực giáo dục, đào tạo như: Đề án Xây dựng trường học kiểu mẫu ở các cấp học, ngành học; Đề án xây dựng trường Trung học phổ thông chuyên Lê Quý Đôn trở thành trường chất lượng cao; Đề án dạy và học ngoại ngữ ở các trường phổ thông đến năm 2020; Đề án rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển sự nghiệp Giáo dục – Đào tạo tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Phấn đấu đến năm 2020 xóa phòng học mượn ở tất cả các ngành học.

- Đến năm 2015, thực hiện việc giảm sĩ số học sinh/lớp thấp hơn mức quy định tối đa để đảm bảo nâng cao chất lượng giáo dục.

- Tiếp tục chỉ đạo các cơ sở giáo dục và đào tạo đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học. Chuyển từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học.

- Đánh giá và rút kinh nghiệm việc dạy thí điểm tiếng Bru-Vân kiều tại huyện Hướng Hóa để sớm đưa vào dạy đại trà cho học sinh dân tộc tại Hướng Hóa và Đakrông; thực hiện có hiệu quả việc giảng dạy chương trình địa phương. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học.

- Coi trọng công tác tự học, tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị của đội ngũ cán bộ, giáo viên; tổ chức kiểm tra đánh giá năng lực, trình độ giáo viên hàng năm cùng với việc đánh giá xếp loại lao động hàng tháng, lấy phiếu tín nhiệm trong học sinh; tăng cường công tác đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo hướng đánh giá kết quả từ người học

2.3. Đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, đảm bảo tính khách quan trung thực:

Tập trung chỉ đạo thực hiện đổi mới căn bản hình thức thi, phương pháp kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo kết quả thi, kiểm tra trung thực, khách quan, phản ánh đúng chất lượng, tác động tích cực đến việc dạy và học, thực hiện tốt các mục tiêu giáo dục. Kiên quyết khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục và tiêu cực trong việc thi cử tạo môi trường giáo dục, đào tạo của tỉnh thực sự công khai, minh bạch. Coi trọng khâu đánh giá và tự đánh giá của các cơ sở giáo dục.

Các cơ quan Nhà nước, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh cần đổi mới cách tuyển dụng, sử dụng lao động đã qua đào tạo theo hướng chú trọng năng lực, chất lượng, hiệu quả công việc thực tế, trước hết là trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị. Coi sự chấp nhận của thị trường lao động đối với người học là tiêu chí quan trọng để đánh giá uy tín, chất lượng cơ sở giáo dục đại học, nghề nghiệp và là căn cứ để định hướng phát triển các cơ sở giáo dục, đào tạo và ngành nghề đào tạo.

2.4. Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập

Đẩy mạnh phân luồng sau trung học cơ sở; định hướng nghề nghiệp ở trung học phổ thông. Tiếp tục nghiên cứu đổi mới hệ thống giáo dục phổ thông phù hợp với điều kiện cụ thể của tỉnh, của đất nước và xu thế phát triển giáo dục của thế giới.

Thực hiện điều chỉnh, bổ sung quy hoạch mạng lưới các trường mầm non, phổ thông trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 theo hướng ở mỗi xã có ít nhất một trường mầm non, một trường tiểu học và một trường Trung học cơ sở; đầu tư xây dựng trường phổ thông dân tộc bán trú ở hai huyện miền núi; quy hoạch lại hệ thống trường Trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh.

Triển khai thí điểm sáp nhập trung tâm dạy nghề cấp huyện với Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - Hướng nghiệp; giữ nguyên Trung tâm giáo dục thường xuyên cấp huyện để làm công tác phổ cập và hỗ trợ cho các Trung tâm học tập cộng đồng. Xây dựng Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh thành trung tâm mạnh, liên kết đa ngành, đa nghề theo nhu cầu xã hội. Rà soát, điều chỉnh quy hoạch mạng lưới trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, gắn với quy hoạch phát triển nhân lực, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đồng thời đáp ứng nhu cầu nguồn lực phục vụ các khu kinh tế, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án xây dựng xã hội học tập tỉnh Quảng Trị đến năm 2020 nhằm tạo ra mạng lưới các cơ sở giáo dục, đào tạo chất lượng và rộng khắp trên địa bàn tỉnh, đáp ứng nhu cầu học tập, học tập suốt đời của nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

Khuyến khích xã hội hóa để đầu tư xây dựng và phát triển các trường kiểu mẫu ở các cấp học. Tạo điều kiện để các doanh nghiệp, đầu tư xây dựng cơ sở giáo dục nghề nghiệp, hướng tới có loại hình cơ sở giáo dục do cộng đồng đầu tư.

2.5. Đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, đào tạo, bảo đảm dân chủ, thống nhất; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục, đào tạo; coi trọng quản lý chất lượng

Tập trung chỉ đạo nâng cao vai trò, trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo nhất là về công tác nhân sự, tài chính chuyên môn, nhiệm vụ của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp; thực hiện cơ chế phân cấp quản lý đồng bộ trong toàn tỉnh theo Nghị định 115/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ và Thông tư 47/2011/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 19/10/2011 của Liên Bộ Giáo dục – Đào tạo và Nội vụ, theo hướng nâng cao trách nhiệm, và tạo động lực, tính chủ động, sáng tạo của các cơ sở giáo dục và đào tạo.

Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, nhất là về chương trình, nội dung và chất lượng, phát huy vai trò của công nghệ thông tin và các thành tựu khoa học công nghệ hiện đại trong quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo. Đổi mới cơ chế tiếp nhận xử lý thông tin trong quản lý, thực hiện cơ chế người học tham gia đánh giá hoạt động giáo dục, đào tạo; nhà giáo tham gia đánh giá cán bộ quản lý; cơ sở giáo dục, đào tạo tham gia đánh giá cơ quan quản lý nhà nước.

Tiếp tục giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục, đào tạo; phát huy vai trò của hội đồng trường. Thực hiện giám sát của các chủ thể trong nhà trường và xã hội; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý các cấp; bảo đảm dân chủ, công khai minh bạch.

Tăng cường trật tự kỷ cương, đảm bảo vệ sinh, an toàn trường học, chú ý quan tâm các công trình vệ sinh, nước sạch và các dịch vụ khác.

Tăng cường công tác thanh tra giáo dục. Đổi mới tổ chức và hoạt động thanh tra. Tập trung đẩy mạnh và có chiều sâu các hoạt động thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành ở các cấp học, ngành học; tăng cường chỉ đạo công tác tự kiểm tra của các cơ sở giáo dục; đồng thời, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho thanh tra viên và cộng tác viên thanh tra.

2.6. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo

Rà soát, sắp xếp lại đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục gắn với vị trí việc làm, đảm bảo sự cân đối, hợp lý về số lượng, chất lượng giữa các cấp học, ngành học, giữa các vùng miền trên phạm vi toàn tỉnh. Tập trung giải quyết dứt điểm tình trạng mất cân đối về đội ngũ giáo viên ở các ngành học, cấp học trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng, kế hoạch đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, bảo đảm chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo ở từng cấp học, ngành học và trình độ đào tạo theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Làm tốt công tác quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo các cấp của ngành giáo dục theo hướng thi tuyển công khai, minh bạch đối với từng vị trí việc làm. Sàng lọc và kiên quyết đưa ra khỏi ngành những cán bộ, giáo viên không đủ phẩm chất, năng lực, không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Tích cực triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

Tiếp tục rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch phát triển nguồn nhân lực ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Trị đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030.

Việc tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ, tôn vinh nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục phải trên cơ sở đánh giá năng lực, đạo đức nghề nghiệp và hiệu quả công tác. Tiếp tục thực hiện Đề án Luân chuyển giáo viên vùng khó để đảm bảo công bằng trong giáo dục và nâng cao chất lượng giáo dục ở các huyện miền núi, vùng sâu, vùng xa.

Tiếp tục đầu tư xây dựng trường Cao đẳng sư phạm và có cơ chế tuyển sinh riêng để tuyển chọn được những người có phẩm chất, năng lực phù hợp vào ngành sư phạm.

2.7. Đổi mới chính sách, cơ chế tài chính, huy động sự tham gia đóng góp của toàn xã hội; nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo:

Đảm bảo ngân sách nhà nước chi cho giáo dục - đào tạo, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ngân sách.

Đối với giáo dục mầm non và phổ thông: Ưu tiên tập trung đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục công lập, đảm bảo quỹ đất cho các trường học; có chính sách hỗ trợ để xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; có cơ chế hỗ trợ để duy trì vững chắc kết quả Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi; Phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, Phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Ưu tiên đầu tư cho giáo dục vùng đặc biệt khó khăn, miền núi, miền biển, các trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh, huyện và trường Phổ thông dân tộc bán trú; tiếp tục thực hiện Đề án kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên. Trên cơ sở đầu tư nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đẩy mạnh triển khai Dự án đầu tư xây dựng trường Trung học phổ thông chuyên Lê Quý Đôn trở thành trường chất lượng cao. Tập trung chỉ đạo xây dựng trường học kiểu mẫu ở các cấp học, ngành học, phấn đấu đến năm 2020 ở mỗi huyện có một trường/cấp học.

Đối với giáo dục đại học và đào tạo nghề nghiệp: Tập trung đầu tư xây dựng, nâng cấp trường Cao đẳng Sư phạm tỉnh và các trường trung cấp để đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực, phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại

hóa của tỉnh. Minh bạch hóa các hoạt động liên danh, liên kết đào tạo, sử dụng nguồn lực công; bảo đảm sự hài hòa giữa các lợi ích với tích lũy tái đầu tư.

Tiếp tục rà soát, điều chỉnh bổ sung cơ chế chính sách xã hội hóa các hoạt động giáo dục như: Huy động sự đóng góp của người dân để xây dựng trường, lớp, xây dựng các công trình vệ sinh đảm bảo số lượng và chất lượng; chính sách khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt thành tích cao trong các kỳ thi quốc gia, khu vực, quốc tế thuộc lĩnh vực giáo dục, đào tạo; khuyến khích hình thành các quỹ học bổng, khuyến học, khuyến tài giúp học sinh, sinh viên nghèo học giỏi.

Nghiên cứu xây dựng kế hoạch tài chính gắn với mục tiêu và hiệu quả đào tạo theo hướng đảm bảo kinh phí chi thường xuyên theo quy định; tăng chi phí cho đầu tư xây dựng cơ bản, thiết bị dạy và học để nâng cao chất lượng giáo dục; khuyến khích các tập thể, cá nhân đóng góp nguồn lực cho giáo dục.

2.8. Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học quản lý:

Các cơ sở giáo dục trên địa bàn toàn tỉnh cần chủ động xây dựng kế hoạch triển khai nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học quản lý; gắn kết chặt chẽ các cơ sở đào tạo, nghiên cứu với các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Có cơ chế khuyến khích học sinh, sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học.

Khuyến khích Trường Cao đẳng Sư phạm tỉnh, các trường trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề liên kết với các cơ sở giáo dục và đào tạo có uy tín trong nước và nước ngoài trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng công nghệ mới theo hướng thiết thực, hiệu quả đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2.9. Chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục và đào tạo:

Duy trì, nâng cao hiệu quả các hoạt động hợp tác giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học trong việc thực hiện các chương trình ký kết giữa Quảng Trị với một số tỉnh của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào; của Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị với một số trường đại học và cao đẳng của Vương quốc Thái Lan và các quốc gia khác.

Thực hiện có hiệu quả cơ chế khuyến khích các tổ chức quốc tế, cá nhân nước ngoài đầu tư, tham gia các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ tại Quảng Trị.

Khuyến khích các cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh đi học tập kinh nghiệm phát triển giáo dục và đào tạo tại một số nước có nền giáo dục phát triển ở khu vực Đông Nam Á.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp uỷ Đảng, chính quyền, các sở, ban, ngành của tỉnh có trách nhiệm quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” và Chương trình hành động của Tỉnh uỷ đến toàn thể đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các tầng lớp nhân dân; đồng thời, căn cứ vào nội dung Chương trình hành động của Tỉnh uỷ để xây dựng chương trình hành động, kế hoạch tổ chức thực hiện của mình.

2. Giao Ban Thường vụ Tỉnh uỷ căn cứ vào Chương trình hành động của Tỉnh uỷ và tình hình thực tế của địa phương chỉ đạo Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa bằng các chương trình, đề án và có các cơ chế, chính sách của tỉnh về phát triển giáo dục và đào tạo để phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân các cấp làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết 29-NQ/TW và Chương trình hành động của Tỉnh uỷ đến các hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân; củng cố, xây dựng các tổ chức đoàn thể trong trường học; thực hiện tốt chức năng giám sát đối với hoạt động quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo và các cơ sở giáo dục, đào tạo.

4. Định kỳ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ kiểm tra, giám sát, tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chương trình hành động này./.

Nơi nhận:

- BBT Trung ương Đảng,
- Ban Tuyên giáo TW,
- Vụ địa phương tại Đà Nẵng | báo cáo
- Bộ Giáo dục và Đào tạo,
- Các huyện, thị, thành ủy và ĐUTT,
- Các Ban Đảng và Văn phòng Tỉnh uỷ,
- Các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh uỷ viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh uỷ.

(CTHD thực hiện NQ29/TW)

T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ



Lê Hữu Phúc

